**Số: 5924116**

| | Kia Carens 1.5 Deluxe (xe tập lái) | Mazda3 1.5L Deluxe (Nâng cấp) |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **576.000.000đ** | **599.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4540 x 1800 x 1750 | 4660 x 1795 x 1440 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2780 | 2725 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5310 | 5300 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 190 | 145 |
| Khối lượng không tải (kg) | 1297 | 1330 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 1920 | 1780 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 216 | 450 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 45 | 51 |
| Số chỗ ngồi | 7 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | SX-LR trong nước |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | SmartStream 1.5G | Skyactiv-G 1.5L |
| Dung tích xi lanh (cc) | 1,497 | 1496 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 113 / 6,300 | 110 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 144 / 4,500 | 146 / 3500 |
| Hộp số | IVT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | McPherson | Độc lập Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Thanh xoắn | Thanh xoắn |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 215/55 R17 | 205/60 R16 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 8.4 | 8.15 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.9 | 5.16 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 6.8 | 6.25 |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | Halogen | LED |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● | ● |
| Chất liệu ghế | Da Simili | Da |
| Ghế người lái chỉnh cơ | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ● | ● |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 4.2” TFT + SEG LCD | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm | Android 8'' | 8.8 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 1 | |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |

| | | |
|---|---|---|
| Khởi động từ xa | ● | |
| Hệ thống âm thanh | 6 loa | 8 loa |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| Trang bị khác | Trang bị thêm phanh phụ và thiết bị giám sát thời gian/quãng đường. | |

**AN TOÀN:**

| | | |
|---|---|---|
| Số túi khí | 2 | 7 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Sau | |
| Camera lùi | ● | ● |